TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2018/DS – PT
Ngày: 29/5/2018
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2018/TLPT - DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS – ST ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 127/2018/QĐ – PT ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1932,

2. Trần Văn T, sinh năm 1961,

3. Trần Thị M, sinh năm 1969,

4. Trần Văn H, sinh năm 1971,

Cùng địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

5. Trần Thị L, sinh năm 1968,

Địa chỉ cư trú: phường M, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trần Văn D, sinh năm 1979, chết ngày 13/01/2013,

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D:

- Trần Thanh G, sinh năm 1995,

- Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1932,

Cùng địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của các ông, bà Nguyễn Thị Đ, Trần Văn T, Trần Thị M, Trần Văn H, Trần Thị L, Trần Thanh G: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1962, địa chỉ: khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền các ngày 26/12/2016, 06/3/2017) (có mặt)

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn P, sinh năm 1966,

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Diệp Hồng P, sinh năm 1974, địa chỉ: ấp M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 17/5/2018) (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Huỳnh Thị Ngọc S, sinh năm 1959; (có mặt)

2. Nguyễn Thanh B, sinh năm 1981; (có mặt)

3. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983; (có mặt)

4. Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1986; (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

5. Trần Thị M, sinh năm 1952, (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

6. Trần Thị Vân, sinh năm 1961, (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

7. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn U – Chức vụ: Chủ tịch. (xin xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng do nguyên đơn triệu tập:*

1. Huỳnh Văn B, sinh năm 1945,

2. Huỳnh Văn P, sinh năm 1950,

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Đinh Văn C, sinh năm 1959,

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng do bị đơn triệu tập:* Huỳnh Thị Thu B, sinh năm 1956,

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Văn P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ngọc S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, các nguyên đơn cùng trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Huỳnh Văn T2 và ông Huỳnh Văn T3 (cha của bà Huỳnh Thị Ngọc S) cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn T4 làm lối đi từ trước năm 1975, do nhà của vợ chồng bà Đ ở phía bên trong. Ông T2 và ông T3 mỗi bên cho gia đình bà Đ 01 m chiều ngang, chiều dài từ giáp lộ vào nhà bà Đ khoảng 20m để hộ bà Đ làm lối đi vĩnh viễn, việc thỏa thuận này chỉ bằng lời nói không có lập thành văn bản nhưng có ông Huỳnh Văn B (con ông T3) và ông Huỳnh Văn T5 (con ông T2) chứng kiến. Hộ bà Đ đã sử dụng lối đi này qua nhiều thế hệ và không có tranh chấp gì kể cả khi ông T2 đã chuyển nhượng đất của ông qua nhiều đời chủ nhưng khi lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn không nhập phần lối đi này cho chủ mới. Tuy nhiên, phần lối đi này một bên giáp đất của ông T3 nên sau khi ông T3 chết, con gái của ông T3 là bà Huỳnh Thị Ngọc S cùng chồng là ông Nguyễn Văn P đã tự đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhập phần lối đi này vào phần đất của hộ ông P thuộc thửa 1505, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre. Việc này gia đình bà Đ không hay biết do khi được làm thủ tục ông P tự chỉ ranh, không có hiệp thương ranh với gia đình bà Đ. Gia đình bà vẫn sử dụng phần đất này làm lối đi mà ông P không có tranh chấp. Năm 2011, ông P rào đường không cho hộ bà Đ đi trên lối đi này nữa và yêu cầu hộ bà Đ phải trả 40.000.000 đồng thì mới cho đi, hộ bà Đ không đồng ý nên xảy ra tranh chấp.

Nay bà Đ cùng các con khởi kiện yêu cầu buộc ông P và bà S cùng các con trả lại diện tích đất tranh chấp là 41,3 m^2, thuộc một phần thửa 1505, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp cho hộ ông P thuộc thửa 1505, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre và công nhận phần

đất tranh chấp cho hộ gia đình bà Đ. Bà Đ đồng ý bồi thường 02 cây dừa trên đất tranh chấp theo giá đã định cho gia đình ông P.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn P và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ngọc S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh T1 cùng trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông Huỳnh Văn T3 cha của bà Huỳnh Thị Ngọc S sử dụng từ trước và cho vợ chồng bà S, ông P khoảng 1.000 m^2 vào năm 1978. Vợ chồng ông P, bà S lên bờ từ đất ruộng để trồng dừa. Phần đất tranh chấp với bà Đ cũng là bờ dừa, không phải lối đi. Năm 1991, ông P có kê khai, đăng ký và đến năm 2002 thì hộ ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 300 m^2 thuộc thửa 1505, tờ bản đồ số 1. Tại thời điểm năm 1991, ông T4 chồng bà Đ cũng kê khai, đăng ký phần đất bà Đ cất nhà nhưng không đăng ký phần đất tranh chấp. Trước khi xảy ra tranh chấp, hộ bà Đ đã sử dụng phần đất của nhiều người làm lối đi như đi dọc bờ kênh qua đất ông Đ1, qua đất ông P thuộc thửa 1491 và ra quốc lộ 57. Sau đó, ông Đ1 cất nhà nên hộ bà Đ đi lối đi khác qua đất ông Lố ra quốc lộ 57, ông L1 không cho đi tiếp thì hộ bà Đ đi qua đất của ông Đặng Văn H1, là đất giáp với đất ông P. Sau đó gia đình bà Đ đi lối đi qua đất ông T6 giáp ranh với đất ông P. Năm 2011, ông H1 cất nhà hết lối đi nên gia đình bà Đ dời đường đi qua đất ông nên xảy ra tranh chấp. Đối với yêu cầu của nguyên đơn, các ông bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị M trình bày:

Bà là con ruột của bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn T4. Phần đất tranh chấp theo bà được biết là của ông T3 và ông T2 cho cha mẹ bà từ những năm 1965 – 1966 để làm đường đi vào nhà. Cho không có giấy tờ nhưng có ông T5 và ông B biết việc này. Nay mẹ và các anh em khởi kiện, bà không có yêu cầu, không có ý kiến gì. Do bà sức khỏe yếu nên xin Tòa giải quyết vắng mặt bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Vân trình bày:

Bà là con ruột của bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn T4. Phần đất tranh chấp theo bà được biết là của ông T3 và ông T2 cho cha mẹ bà từ những năm 1969 – 1970, mỗi người cho 01 m chiều ngang, chiều dài 20 m. Cho không có giấy tờ chỉ nói miệng. Còn phần đất mẹ bà đang sử dụng là của ông bà nội của bà cho cha mẹ bà. Nay mẹ Đ và các anh em khởi kiện, bà không có yêu cầu, không có ý kiến gì, xin Tòa giải quyết vắng mặt bà.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện M trình bày: Căn cứ hồ sơ địa chính của xã C lập năm 1991, ông Nguyễn Văn P đăng ký 02 thửa 1505 và 1491 có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn T3. Việc đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn P ngày

06/02/2002 của Ủy ban nhân dân huyện M không có khiếu nại hay tranh chấp gì nên trình tự xét cấp là hoàn toàn đúng qui định của pháp luật vì vậy không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2016/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện M đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn D, ông Trần Văn T về việc đòi lại quyền sử dụng đất.

Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Huỳnh Thị Ngọc S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng đất lối đi có diện tích 41,3 m^2 (ngang 02 m, dài 20.57m) thuộc một phần thửa 1505 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện M cho bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Thanh G, ông Trần Văn T (có hồ sơ trích đo kèm theo).

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp ngày 06/12/2002 của Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn P thửa 1505 tờ bản đồ số 01 diện tích 300m^2 tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện M.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật đất đai.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Thanh G, ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường giá trị 02 cây dừa là 2.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn P, bà Huỳnh Thị Ngọc S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh T1.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, chi phí đo đạc định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Bản án dân sự phúc thẩm số 227/2016/DS-PT ngày 15/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Hủy Bản án sơ thẩm số 31/2016/DSST ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện M.

Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện M giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số 09/2018/DS – ST ngày 07 tháng 3 năm 2018 đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T, bà Trần Thị M, ông Trần Văn H, bà Trần Thị L, cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn D về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Đình chỉ đối với việc rút yêu cầu tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề của các nguyên đơn (buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Huỳnh Thị Ngọc S cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mở lại lối đi y hiện trạng cũ thuộc thửa 1050, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Bình Đông, xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Na, tỉnh Bến Tre).

1. Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Huỳnh Thị Ngọc S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ trả diện tích đất 41,3 m^2, thuộc một phần thửa 1505 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp Bình Đông, xã Cẩm Sơn, huyện M cho bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T, bà Trần Thị M, ông Trần Văn H, bà Trần Thị L, cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn D (hiện trạng trên đất có lối đi, có 02 cây dừa loại 1).

Tứ cận cụ thể:

- Phía Đông giáp Quốc lộ 57, dài 2.0m.

- Phía Tây giáp rạch, dài 2.0m.

- Phía Nam giáp thửa 2312, dài 20.57m.

- Phía Bắc giáp phần còn lại của thửa 1505, dài 20.77m.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T, bà Trần Thị M, ông Trần Văn H, bà Trần Thị L, cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn D hoàn trả cho ông Nguyễn Văn P, bà Huỳnh Thị Ngọc S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh T1 giá trị cây trồng (02 cây dừa loại 1) là: 2.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T, bà Trần Thị M, ông Trần Văn H, bà Trần Thị L, cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn D được sở hữu 02 cây dừa nêu trên.

3. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T, bà Trần Thị M, ông Trần Văn H, bà Trần Thị L, cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn D về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày (nay là huyện M) đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn P thửa 1505 tờ bản đồ số 01 diện tích 300m^2 tọa lạc tại ấp Bình Đông, xã Cẩm Sơn, huyện M ngày 06/12/2002.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/3/2018 bị đơn Nguyễn Văn P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ngọc S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn

Thanh T, Nguyễn Thanh T1 kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ngọc S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh T1 giữ nguyên kháng cáo. Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ngọc S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh T1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ngọc S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh T1, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều chỉnh án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: Theo nguyên đơn, nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Huỳnh Văn T2 và ông Huỳnh Văn T3 (cha của bà Huỳnh Thị Ngọc S) cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn T4 làm lối đi từ trước năm 1975. Lúc cho chỉ nói miệng, nhưng có ông Huỳnh Văn B (con ông T3) và ông Huỳnh Văn T5 (con ông T2) chứng kiến. Sau đó, ông T2 bán đất cho người khác vẫn chừa lối đi này cho gia đình bà Đ. Theo bị đơn, nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Huỳnh Văn T3 cha của bà Huỳnh Thị Ngọc S sử dụng từ trước và cho vợ chồng bà S, ông P khoảng 1.000 m^2 vào năm 1978. Theo hồ sơ thể hiện, những người làm chứng cho gia đình bà Đ là những người lớn tuổi ở địa phương như ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị L, ông Đặng Văn N, ông Nguyễn Văn Đ, ông Đinh Văn C đều cùng trình bày là bà Đ sử dụng phần đất tranh chấp làm lối đi, không thể hiện có sự việc tặng cho quyền sử dụng đất như lời nguyên đơn trình bày. Trong khi đó, gia đình ông P sử dụng đất là được cha mẹ cho, các anh em trong gia đình và gia đình bà Đ cũng đều thừa nhận.

[2] Về kê khai, đăng ký và cấp quyền sử dụng đất: Năm 1991, gia đình ông P tiến hành kê khai, đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất thửa 1505, tờ bản đồ số 1 vào năm 2002. Trong khi đó, gia đình bà Đ không có tiến hành kê khai các phần đất phía trong và được cấp quyền sử dụng đất các thửa 1474, 1475, 1500 cùng tờ bản đồ số 1 vào năm 2000, hoàn toàn không có kê khai, đăng ký

phần đất tranh chấp. Cơ quan lưu trữ hồ sơ quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng xác định hồ sơ bị thất lạc. Quá trình sử dụng đất, phía ông P đã chuyển nhượng một phần cho người khác vào năm 2003; phía gia đình bà Đ cũng chuyển nhượng một phần cho người khác vào các năm 2001, 2002, 2003 mà không ai có khiếu nại hay tranh chấp gì. Từ đó đủ cơ sở xác định, gia đình ông P sử dụng đất tại thửa 1505, tờ bản đồ số 1 là hợp pháp.

[3] Do các nguyên đơn không có chứng cứ nào có giá trị để chứng minh phần đất tranh chấp là cụ T3 và cụ T2 tặng cho (chỉ có chứng cứ là trình bày của người làm chứng); trong khi đó, các bị đơn sử dụng đất từ cha mẹ để lại và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đáng lẽ ra Bản án sơ thẩm phải bác khởi kiện của các nguyên đơn nhưng lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện là thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó, kháng cái của ông P, bà S, anh B, anh T, chị T1 được chấp nhận, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên các nguyên đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà Đ thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp. Các ông bà Trần Văn T, Trần Thị M, Trần Văn H, Trần Thị L, Trần Thanh G phải liên đới nộp 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên ông P, bà S, anh B, anh T, chị T1 không phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ngọc S, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh T1.

Sửa Bản án sơ thẩm số 09/2018/DS – ST ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T, bà Trần Thị M, ông Trần Văn H, bà Trần Thị L, cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn D về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn P, tại phần đất diện tích 41,3 m^2 thuộc một phần thửa 1505, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp Bình Đông, xã Cẩm Sơn, huyện M.

2. Đình chỉ đối với việc rút yêu cầu tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề của các nguyên đơn (buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Huỳnh Thị Ngọc S cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mở lại lối đi y hiện trạng cũ thuộc thửa 1050, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre).

3. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T, bà Trần Thị M, ông Trần Văn H, bà Trần Thị L, cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn D về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Mỏ Cày (nay là huyện M) đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn P thửa 1505 tờ bản đồ số 01 diện tích 300 m^2 tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện M ngày 06/12/2002.

4. Chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản (giai đoạn sơ thẩm lần đầu): 1.086.000 đồng, bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T, bà Trần Thị M, ông Trần Văn H, bà Trần Thị L, cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn D phải chịu và ghi nhận đã nộp xong.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (giai đoạn sơ thẩm lần hai): 500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T, bà Trần Thị M, ông Trần Văn H, bà Trần Thị L, cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn D phải chịu. Do ông Nguyễn Văn P đã nộp tạm ứng nên buộc bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T, bà Trần Thị M, ông Trần Văn H, bà Trần Thị L, cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn D phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn P 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn T, bà Trần Thị M, ông Trần Văn H, bà Trần Thị L, cùng người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn D là ông Trần Thanh G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Hoàn tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn D, ông Trần Văn T theo biên lai thu số 0005548 ngày 23/7/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T, anh Trần Thanh G theo biên lai thu số 0018923 ngày 28/8/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho bà Trần Thị M, ông Trần Văn H, bà Trần Thị L theo biên lai thu số 0007773 ngày 18/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho ông Nguyễn Văn P theo biên lai thu tạm ứng án phí 0014815 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho bà Huỳnh Thị Ngọc S theo biên lai thu tạm ứng án phí 0014856 ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho anh Nguyễn Thanh B theo biên lai thu tạm ứng án phí 0014857 ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho anh Nguyễn Thanh T theo biên lai thu tạm ứng án phí 0014855 ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho chị Nguyễn Thanh T1 theo biên lai thu tạm ứng án phí 0014854 ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng